CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL (HSX: HM

FireAnt

Ngày 31/12/2025	11,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.4%	-1.3%	-1.7%

ROE — 2025: 7.6% | +/- YoY ▲ 1.3%

DT thuần — *Q4/25*: 1,746 *tỷ VNĐ* | QoQ ▲ 343 ▲ 24.4% | YoY ▲ 488 ▲ 38.8%

DT thuần — *2025*: 5,765 *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 1,530 ▲ 36.1%

LN gộp — *Q4/25*: 44.5 *tỷ VNĐ* | QoQ ▲ 19.3 ▲ 76.8% | YoY ▲ 16.2 ▲ 57.4%

LN gộp — *2025*: 143 *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 50.7 ▲ 54.6%

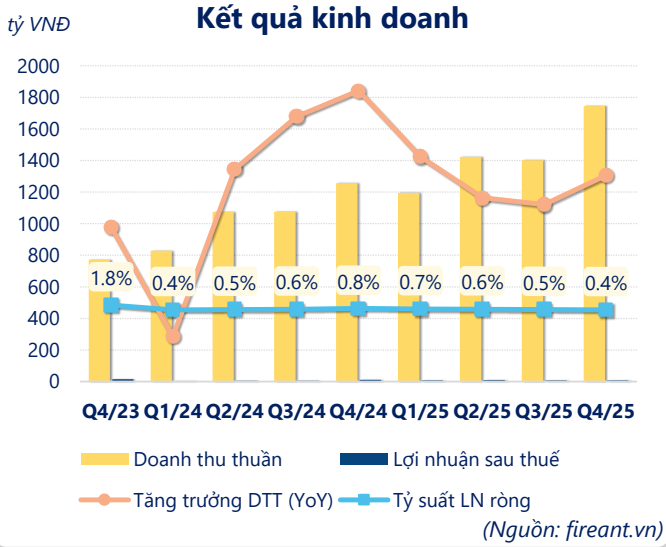
LN thuần — *Q4/25*: 11.2 *tỷ VNĐ* | QoQ ▲ 2.60 ▲ 30.2% | YoY ▲ 1.00 ▲ 9.8%

LN thuần — *2025*: 41.0 *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 12.1 ▲ 41.8%

LN sau thuế — *Q4/25*: 7.34 *tỷ VNĐ* | QoQ ▲ 0.45 ▲ 6.6% | YoY ▼ 2.86 ▼ 28.0%

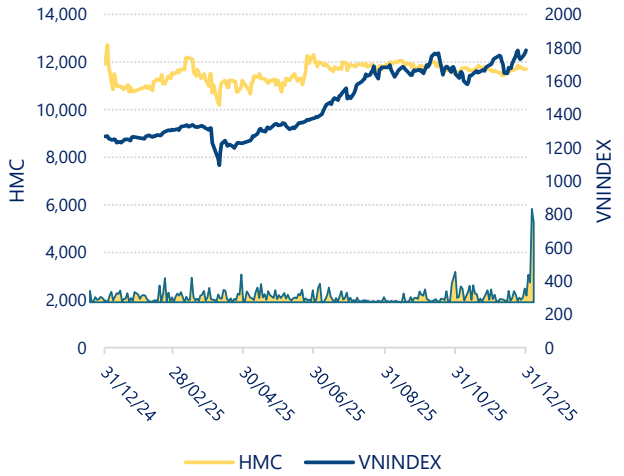
LN sau thuế — *2025*: 31.3 *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 5.70 ▲ 22.3%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

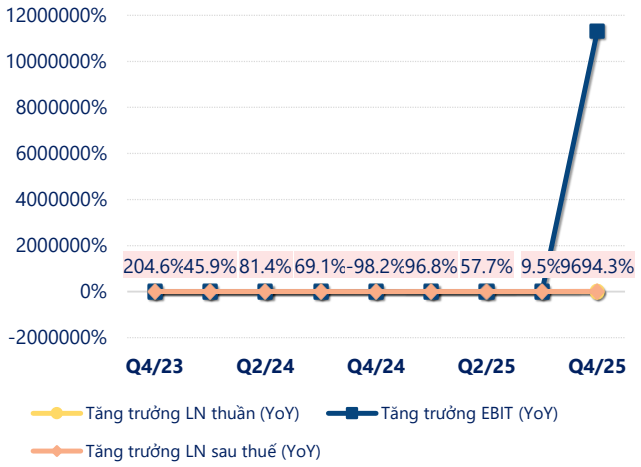


Powered by Infographic
https://fireant.vn/

CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL (HSX: HM

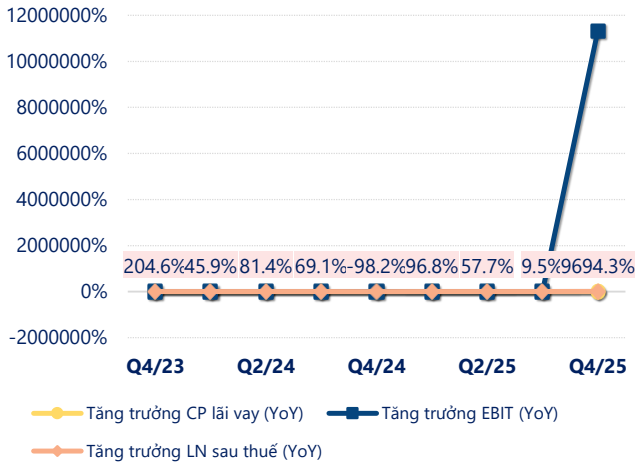
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



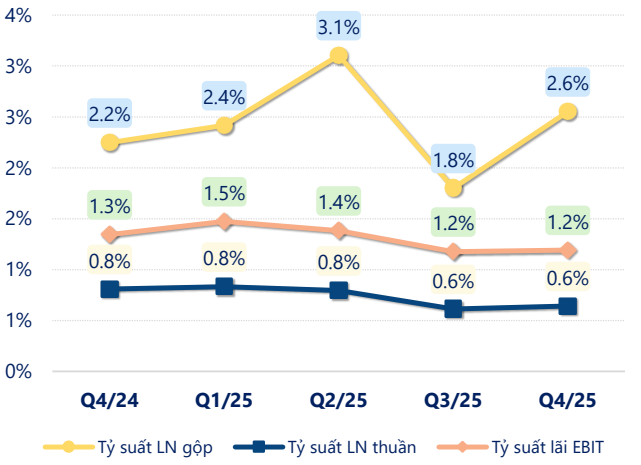
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



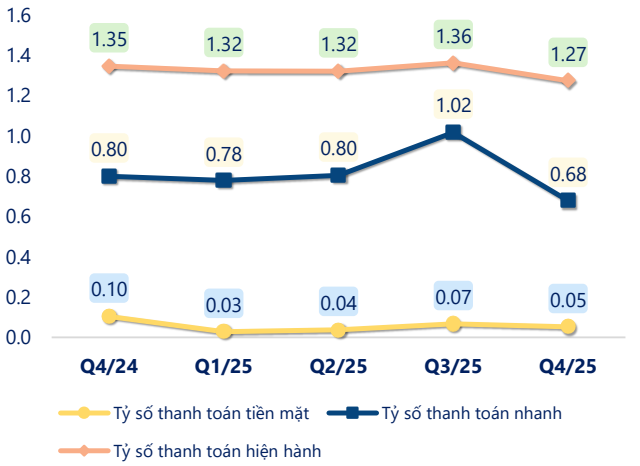
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



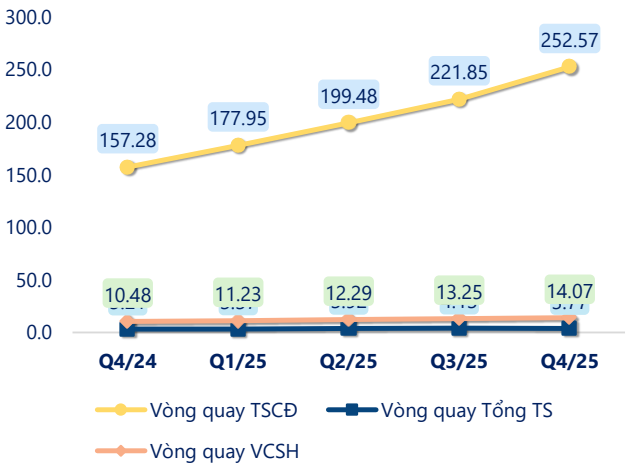
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



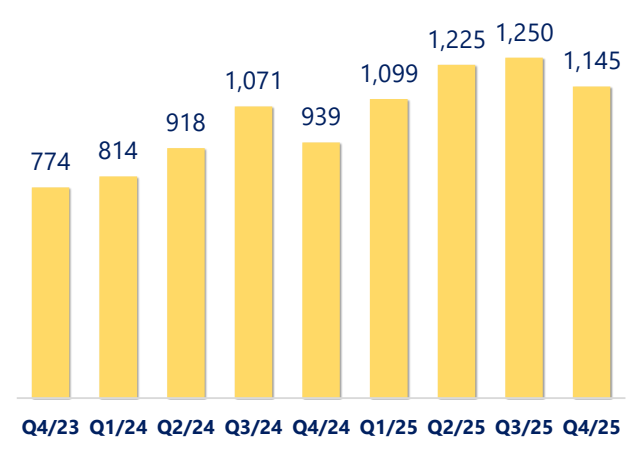
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

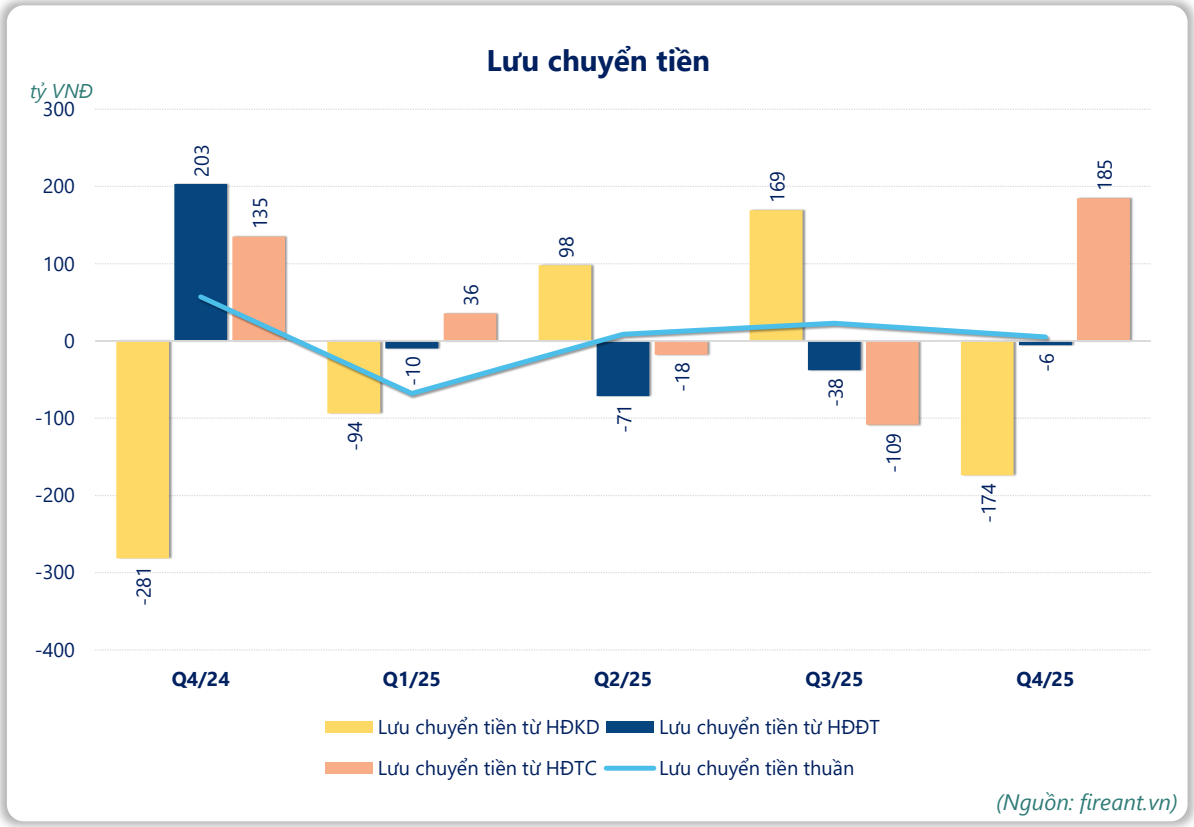


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL (HSX: H

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,746**	**1,258**	**38.8%**	**5,765**	**4,235**	**36.1%**
Giá vốn hàng bán	1,701	1,230	38.3%	5,622	4,143	35.7%
Lợi nhuận gộp	44.5	28.3	57.4%	143	92.3	54.6%
Doanh thu HĐTC	14.2	9.24	54.1%	44.9	37.0	21.5%
Chi phí TC	13.1	6.30	108%	36.0	28.7	25.3%
Chi phí lãi vay	9.88	6.67	48.1%	33.5	21.1	58.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	22.5	14.9	51.1%	78.7	51.6	52.5%
Chi phí QLDN	**12.0**	**6.08**	**96.7%**	**32.1**	**20.1**	**59.6%**
LN thuần từ HĐKD	11.2	10.2	9.8%	41.0	28.9	41.8%
Lợi nhuận khác	**-0.26**	**0.08**	**-420%**	**0.08**	**0.85**	**-90.9%**
LN trước thuế	10.9	10.3	6.2%	41.1	29.8	38.0%
Lợi nhuận sau thuế	**7.34**	**10.2**	**-28.0%**	**31.3**	**25.6**	**22.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**7.34**	**10.2**	**-28.0%**	**31.3**	**25.6**	**22.3%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)